

TỔ TÌNH BẰNG CÁCH CHƠI CHỮ CỦA GIỚI TRẺ TRÊN MẠNG XÃ HỘI

● Trần Thị Xuân*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

TÓM TẮT

Bài báo khảo sát đặc điểm chơi chữ của 250 dòng trạng thái tỏ tình của giới trẻ trên mạng xã hội từ năm 2020 đến nay. Bằng cách thống kê, phân loại dựa trên các tiêu chí về miêu tả ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp, bài báo đã phân tích và thống kê một số đặc điểm chơi chữ của các ngữ liệu khảo sát bằng các phương tiện ngữ âm và chữ viết, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp, nói lái và sử dụng các dữ liệu văn học, văn hóa Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra những đặc điểm chơi chữ theo từng xu hướng, trong đó mỗi xu hướng sẽ có một hình thức chơi chữ chủ đạo, bên cạnh đó sẽ có sự kết hợp với một hoặc hai hình thức chơi chữ khác. Hình thức dùng từ điệp âm xuất hiện nhiều nhất và thường kết hợp với các hình thức chơi chữ khác để tạo nên tính vần điệu, trong khi đó hình thức chơi chữ bằng phương tiện ngữ pháp là ít xuất hiện nhất. Từ kết quả đó, người dạy và người học có thể chọn lọc và sử dụng một số ngữ liệu thuộc các xu hướng tỏ tình được khảo sát để tạo cảm hứng và nâng cao hiệu quả cho việc dạy và học các học phần tiếng Việt và văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: *chơi chữ, tỏ tình, giới trẻ, mạng xã hội, tiếng Việt.*

SOME CHARACTERISTICS OF WORD PLAYING IN ROMANTIC STATUSES TRENDS BY YOUNG PEOPLE ON SOCIAL NETWORKS

● Tran Thi Xuan

ABSTRACT

The article investigates 250 romantic statuses on social networks which involve word playing with the trends (from 2020 to 2022). With research methods such as description, semantics - syntax, statistics - classification, the research analyzed and made statistic characteristics of word play used in the survey corpus in each trend. They combine means of phonetics and letters, vocabulary - semantics, grammar, spoonerism and references to Vietnamese literary and cultural data. Research results have also shown interesting pun characteristics of young people in posts expressing their affection for the other in each trend. From there, teachers and learners can select and use these results to inspire and improve the effectiveness of teaching and learning Vietnamese language and Vietnamese culture modules.

Keywords: *word play, romantic, young people, social networks, Vietnamese*

1. TỔNG QUAN

1.1. Mở đầu

Chơi chữ là một trong những đặc điểm tu từ độc đáo của tiếng Việt và thường được vận dụng

* Tác giả liên hệ: Trần Thị Xuân; Email: txuan@hueuni.edu.vn

(Ngày nhận bài: 1/11/2022; Ngày nhận lại bản sửa: 20/11/2022; Ngày duyệt đăng: 25/11/2022)

trong nhiều câu ca dao, tục ngữ, thơ, truyện cười, câu đố, v.v. trong văn học Việt Nam. Đề tài về chơi chữ đã và đang được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Đáng chú ý các nghiên cứu của Cù Đình Tú [1], Đinh Trọng Lạc [2], Lê Trung Hoa, Hồ Lê [3] Triều Nguyên [4]. Ngoài ra, chơi chữ còn được nhiều nhà nghiên cứu, học giả quan tâm nghiên cứu với những ngữ liệu mang tính thời đại như Ngô Thị Khai Nguyên [5] bàn về các đặc điểm của nghệ thuật chơi chữ trong các slogan quảng cáo, Nguyễn Khôi Nguyên [6] phân tích nghệ thuật chơi chữ được sử dụng trên báo “Tuổi Trẻ Cười”.

Một số các tình huống giao tiếp hàng ngày, thì chơi chữ cũng được sử dụng, đặc biệt là những câu tỏ tình của các lứa đôi. Giới trẻ thường đăng những dòng trạng thái trên Facebook để bày tỏ tình cảm của mình với đối phương. Trong số đó, nhiều dòng trạng thái có sử dụng yếu tố chơi chữ. Đây cũng là một trong các trào lưu ngôn ngữ của giới trẻ Việt Nam trong những năm gần đây. Trong bài báo này, chúng tôi khảo sát về những cách chơi chữ trong các dòng trạng thái tỏ tình của giới trẻ nhằm khảo sát hình thức chơi chữ trên Facebook.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Khái niệm “chơi chữ”

Cù Đình Tú định nghĩa “Chơi chữ là cách tu từ vận dụng linh hoạt các tiềm năng về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Việt nhằm tạo nên phần tin khác loại song song tồn tại với phần tin cơ sở. Phần tin khác loại này – tức lượng ngữ nghĩa mới – là bất ngờ và về bản chất, không có quan hệ phù hợp với phần tin – tức thông báo – cơ sở” [1]. Theo Từ điển Văn học (tập 1) [7] chơi chữ là “một biện pháp tu từ, trong đó ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cách,... được vận dụng một cách đặc biệt, nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, lí thú. Người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người đọc, người nghe”. Theo Hoàng Phê, “chơi chữ là lợi dụng hiện tượng đồng âm, đa nghĩa... trong ngôn ngữ nhằm gây một tác dụng nhất định (như bóng gió, châm biếm, hài hước,...) trong lời nói” [8]. Trong nghiên cứu của Đinh Trọng Lạc, chơi chữ được định nghĩa “chơi chữ là biện pháp tu từ dựa trên sự vận dụng linh hoạt tiềm năng về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Việt để tạo nên phần tin mới, bất ngờ, khác loại với phần tin cơ sở, nhằm gây châm biếm, đả kích hoặc đùa vui” [2]. Như vậy khái niệm chơi chữ được các tác giả định nghĩa đều có các đặc điểm là một trong các biện pháp tu từ, vận dụng một cách đặc biệt các yếu tố ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Việt để tạo nên sự bất ngờ, nhằm mang lại sự thú vị hoặc châm biếm.

1.2.2. Các hình thức chơi chữ

Các hình thức chơi chữ trong văn chương người Việt thể hiện trên tất cả các cấp độ của tiếng Việt. Trong bài báo này, tác giả sử dụng cách phân loại các hình thức chơi chữ theo tác giả Triều Nguyên. Theo đó, các kiểu chơi chữ trong tiếng Việt bao gồm: chơi chữ bằng phương tiện ngữ âm, chữ viết (cùng âm, điệp âm, chiết tự,...); chơi chữ bằng phương tiện từ vựng – ngữ nghĩa (cùng nghĩa, nhiều nghĩa, trái nghĩa, cùng trường ý niệm,...); chơi chữ bằng phương tiện ngữ pháp (tách và ghép các yếu tố trong câu theo những quan hệ ngữ pháp khác nhau, đánh tráo quan hệ cú pháp trong câu); chơi chữ dựa vào phương ngữ; chơi chữ bằng cách nói lái; chơi chữ dựa vào cứ liệu văn học, văn hóa [4]. Cụ thể:

(i) Chơi chữ bằng phương tiện ngữ âm và chữ viết

Chơi chữ bằng phương tiện ngữ âm và chữ viết thường bao gồm:

Điệp âm: là cách chơi chữ có sự lặp lại một cách chủ định hoàn toàn âm tiết hoặc một bộ phận tiết trong văn bản nhằm mục đích nhấn mạnh về đối tượng được đề cập. Ví dụ: “*Vân Tiền, Vân Tiền, Vân Tiền/ Ai cho đồng tiền tôi kể Vân Tiền.”*

Dùng từ cùng âm: là kiểu chơi chữ dựa trên sự xuất hiện của các đơn vị cùng âm trong ngôn bản nhằm cho thấy sự phong phú, giàu đẹp của ngôn từ tiếng Việt. Ví dụ: “Con ruồi **đâu** mâm xôi **đâu**”, “Con ngựa **đá** con ngựa **đá**”.

Chiết tự: hình thức chơi chữ phổ biến nhất là chơi chữ bằng các chiết tự Hán – Việt. Bên cạnh đó, chiết tự trong các âm tiết thuần Việt thông thường là tách các chữ cái trong một tiếng. Ví dụ: “Đầu **h**ò mà gắn đuôi **heo**/ Ai mà thấy nó lẩn queo tức thì. Đó là con gì?” (đáp án: con **beo**).

(ii) Chơi chữ bằng phương tiện từ vựng – ngữ nghĩa:

Bao gồm hình thức chơi chữ bằng phương tiện từ vựng – ngữ nghĩa bao gồm kiểu như sau:

Từ trái nghĩa: là sử dụng những từ trái ngược với nhau hoàn toàn về mặt ngữ nghĩa ở một điểm nhìn cụ thể nào đó nhằm tạo ra sự mâu thuẫn nhất định về mặt tư duy cho người tiếp nhận. Ví dụ: “Trăng bao nhiêu tuổi trăng **già**/ Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi **non**”.

Từ cùng trường nghĩa: là sử dụng những đơn vị từ vựng có nét đồng nhất nào đó về mặt ngữ nghĩa nhằm làm nổi bật đối tượng được đề cập ở một phương diện nhất định. Ví dụ: “Chị **Xuân** đi chợ mùa **hè**/ Mua cá **thu** về chợ hầy còn **đông**”.

Từ lệch nghĩa: là chơi chữ sử dụng những từ có nghĩa phái sinh, là tạo ra một nét nghĩa mới bên cạnh nét nghĩa của từ ngữ có sẵn. Nét nghĩa mới này do văn cảnh tạo ra. Ví dụ: “**Cha con** thầy thuốc **về quê**, gánh một gánh **hồi hương, phụ tử**” (*hồi hương, phụ tử* còn là tên của 2 vị thuốc bắc).

Chen lớp từ ngữ thuộc ngôn ngữ khác với ngôn ngữ đang dùng: Việc chen này tạo nên sự lạ tai (khi nghe), lạ mắt (khi đọc) và hình thành một lượng ngữ nghĩa nhất định bên cạnh ý nghĩa chung toàn bài... lớp từ ngữ chen vào khiến người tiếp nhận phải huy động những hiểu biết về một ngôn ngữ khác với ngôn ngữ cơ sở. Ví dụ: “”Rắn hổ **đắt** leo cây thực **địa**/ Ngựa nhà **trời** ăn cỏ chỉ **thiên**.”

(iii) Chơi chữ bằng phương tiện ngữ pháp:

Chơi chữ bằng phương tiện ngữ pháp có các hình thức liên quan đến yếu tố ngữ pháp như:

Tách, ghép từ ngữ: là chơi chữ bằng cách sử dụng các trường hợp tách các từ ngữ làm đôi sau đó đặt chúng vào những cấu trúc đối xứng với nhau hoặc cấu trúc ngẫu nhiên. Ví dụ: “**Chuối** chi đã chuối lại **cau**/ Đã **mía** sao gọi **mía lau**, hả chàng?”

Ngắt nhịp câu, buông lửng câu: là chơi chữ dựa vào cách ngắt nhịp câu sử dụng hiện tượng ngắt giọng ngừng lời nói, ngắt nhịp câu bằng dấu phẩy khi viết vào chơi chữ nhằm làm thay đổi ý nghĩa của câu hoặc hình thành thêm một lượng thông tin mới. Ví dụ: “Nữ trình bán thuốc/ phố Hàng Đào,/ Khách đến mua cô/ bảo thế nào?” (Cách ngắt nhịp 4/3 ở câu 1 dẫn đến ngắt nhịp như vậy ở câu 2 khiến người đọc có thể hiểu theo kiểu nước đôi “khách đến mua” (thuốc) hay “khách đến mua cô”.

(iv) Chơi chữ bằng nói lái:

Theo Đinh Trọng Lạc, “nói lái là một biện pháp tu từ trong đó người ta tráo đổi phụ âm đầu và phần vần giữa các âm tiết để tạo nên những từ ngữ khác có nội dung mới, bất ngờ, hiểm hóc” [2]. Đây cũng được xem là một cách chơi chữ độc đáo trong văn chương người Việt. Ví dụ: “**Đầu xăng** tặng giá dạ **giăng sàu**/ **Đầu tiên** trần trở bạc **tiền đầu**.” (Võ Quê)

(v) Chơi chữ dựa vào các tiền giả định là dữ liệu văn học, văn hóa dân gian:

Kiểu chơi chữ này là sự vận dụng nguyên khối hoặc một bộ phận các cứ liệu có sẵn trong văn học bình dân hay văn học bác học để qua đó tạo ra nét nghĩa bất ngờ, thú vị. Ví dụ: “**Con cò lặn lội** bờ sông./ **Gánh gạo nuôi chồng** ăn học y khoa.” (*Nhất Lâm*)

1.2.3. Khái niệm “tỏ tình”

Theo Từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê, “tỏ” là “bộc lộ, giải bày cho người khác biết rõ” (Ví dụ: Tỏ nỗi niềm tâm sự, tỏ tình) [8]. Do vậy, “tỏ tình” có thể hiểu là bày tỏ cho người mình yêu biết

tình cảm của mình. Trong bài báo này, các dòng trạng thái tỏ tình của giới trẻ trên mạng xã hội không chỉ là bày tỏ tình cảm của mình cho một đối phương nào đó nhất định mà có thể là bày tỏ tình cảm với một người nào đó không xác định. Gần đây, từ mà giới trẻ thường dùng trong những trường hợp như thế này là “thả thính”.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Bài báo nghiên cứu một số đặc điểm chơi chữ trong các dòng trạng thái tỏ tình của giới trẻ Việt Nam trên mạng xã hội.

Phạm vi nghiên cứu: Bài báo khảo sát 250 dòng trạng thái bày tỏ tình yêu của giới trẻ Việt Nam trên mạng xã hội Facebook (<https://www.facebook.com/>) có yếu tố chơi chữ theo một số xu hướng (10 xu hướng và một số dòng trạng thái khác, không thuộc các xu hướng khảo sát) được đăng tải công khai từ tháng 1/2020 cho đến tháng 9/2022. Danh sách ngữ liệu khảo sát (bao gồm ngữ liệu, ngày đăng, link bài đăng) có thể được truy cập tại đường dẫn sau:

https://docs.google.com/spreadsheets/d/1w8219iG3SQIm_MZI_O92czxzXB9A9H7ci-oMP7UPje8/edit?usp=sharing

Quy trình thu thập ngữ liệu: tác giả chọn 250 trong số rất nhiều những dòng trạng thái tỏ tình được thống kê trên các trang mạng xã hội theo các tiêu chí: (1) là dòng trạng thái bày tỏ tình yêu, (2) theo 10 xu hướng tỏ tình (mỗi xu hướng 20 ngữ liệu) và 50 ngữ liệu khác không thuộc 10 xu hướng trên, (3) có chứa yếu tố chơi chữ, (4) không chứa các ngôn từ hoặc ý nghĩa có tính phản cảm, (5) những dòng trạng thái trùng lặp sẽ chỉ được chọn 1 lần. Việc sử dụng các dòng trạng thái này chỉ nhằm cho mục đích khảo sát và nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa chứ không nhằm những mục đích khác.

Các xu hướng bao gồm: (1) sử dụng cấu trúc “Gọi em là...” hoặc “Gọi anh là...”; (2) Sử dụng cấu trúc “Cho em order...” hoặc “Cho anh order...”; (3) Sử dụng tên đường/ phố trong nội dung tỏ tình; (4) Sử dụng tên tỉnh/thành trong nội dung tỏ tình; (5) Sử dụng tên riêng của người trong nội dung tỏ tình; (6) Sử dụng thể thơ lục bát; (7) Sử dụng từ/cụm từ không dấu; (8) Sử dụng cách nói lái; (9) Sử dụng các nội dung liên quan đến các môn học; (10) Sử dụng các ngữ liệu văn học, văn hóa dân gian và (11) một số dòng trạng thái khác.

Phương pháp phân tích dữ liệu:

- Phương pháp miêu tả: bài báo sử dụng phương pháp này nhằm miêu tả những đặc điểm của các cách chơi chữ trong các ngữ liệu.

- Phương pháp ngữ nghĩa – cú pháp: nghiên cứu các đặc điểm về ngữ nghĩa và cấu trúc liên quan đến các yếu tố chơi chữ trong các ngữ liệu.

- Phương pháp thống kê – phân loại: phương pháp này được sử dụng để thống kê và phân loại số lượng các ngữ liệu ở mỗi hình thức chơi chữ.

2.2. Kết quả và thảo luận:

2.2.1. Xu hướng 1

Trong những ngữ liệu được khảo sát ở xu hướng 1 xuất hiện ở dạng cấu trúc “**Gọi anh/em/tôi là A vì B**”, hình thức chơi chữ chủ yếu được sử dụng là hình thức sử dụng các từ cùng trường nghĩa để tạo sự liên quan giữa yếu tố nhắc đến ở A và B. Chúng ta có thể xem các ví dụ ở bảng bên dưới.

Bảng 1. Thống kê các hình thức chơi chữ xuất hiện trong xu hướng 1

| Hình thức chơi chữ | Tần số (/20) | Tỉ lệ (%) | Ví dụ |
|----------------------|--------------|-----------|--|
| Từ cùng trường nghĩa | 18 | 90 | “Gọi em là ngã rẽ , vì gặp em là anh phải cuá .” (1) “Gọi anh là trend , vì em muốn nắm bắt .” (2) “Gọi tôi là cây quạt vì mát tôi là em mát mát .” (3) |
| Từ lệch nghĩa | 1 | 5 | “Gọi anh là thằng ba phải , phải ăn, phải ngủ, phải yêu em.” (4) |
| Nói lái | 1 | 5 | “Gọi em là dân thường , vì gặp em anh sẽ thương dân .”(5) |

Ở các ngữ liệu sử dụng hình thức chơi chữ dùng từ cùng trường nghĩa trên, đa phần đều kết hợp với yếu tố lệch nghĩa, như trong ví dụ (1), từ “cuá” (1) không chỉ mang ý nghĩa rẽ phải, rẽ trái cùng trường nghĩa với từ “ngã rẽ”, mà nó còn thể hiện ý muốn tán tỉnh một ai đó. Hay ở ví dụ (2), “nắm bắt” không chỉ với nghĩa “bắt trend” mà còn ý là nắm bắt tình cảm của một ai đó. Còn ở ví dụ (3), “mát” và “quạt” mặc dù cùng một trường nghĩa, nhưng ý của người viết muốn thể hiện rằng nếu mát đi anh ấy, sẽ là một sự “mát mát” lớn lao chứ không chỉ mát đi cái mát của quạt. Hình thức chơi chữ sử dụng từ lệch nghĩa chỉ xuất hiện 1 lần với từ “ba phải” ở ví dụ (4), người viết nhằm mục đích gây hiểu lầm cho người đọc với ý nghĩa là không có quan điểm riêng, nhưng thực tế lại là ba điều phải làm như ở vế sau. Ngoài ra, ở xu hướng này còn xuất hiện 1 ngữ liệu sử dụng hình thức nói lái như ở ví dụ (5).

2.2.2. Xu hướng 2

Xu hướng này là cách viết các dòng trạng thái tỏ tình với cấu trúc “Cho em order...” với từ cuối của vế thứ nhất sẽ có sự kết nối với vế thứ hai. Chẳng hạn, “Cho em order 1 ly trà sữa phô.../mai này ta có nhau” với sự nối tiếp của từ “mai” giữa “phô mai” và “mai này” hay “Em ơi, cho anh order một ly bạc.../xiu trước sự quyến rũ của em” với từ “xiu” nối tiếp giữa “bạc xiu” và (ngắt) “xiu”. Như vậy, hình thức chơi chữ xuất hiện chủ yếu trong xu hướng này là dùng từ cùng âm, từ để kết nối giữa hai vế, kết hợp với việc ngắt nhịp câu, buông lửng thường được thể hiện bằng dấu “...” hoặc xuống dòng trong các ngữ liệu. Tuy nhiên, một số dòng trạng thái không sử dụng những từ cùng âm mà chỉ là những từ phát âm gần giống nhau, bỏ qua các yếu tố chính tả, ví dụ: “Cho em order một ly trà đào chanh **sà** vào lòng anh”, “Cho em order một ly matcha đá **xây** lên chuyện tình của 2 ta”, từ đúng là “trà đào chanh **sả**” nhưng được cố ý viết thành “sà”, hay “matcha đá **xay**” được viết thành “xây” để hợp nghĩa với vế sau.

2.2.3. Xu hướng 3

Xu hướng 3 bao gồm các dòng trạng thái tỏ tình có sử dụng tên đường phố đang ở với hình thức chơi chữ chủ yếu là điệp âm, vế sau của ngữ liệu sẽ có những từ/ cụm từ bày tỏ tình cảm điệp âm với tên đường phố được nhắc đến ở trước. Ví dụ: “Nhà em ở Nguyễn **Trãi**/Tình yêu em dành cho anh là **mãi mãi**”; “Nhà em ở phố Hòa **Bình**, liệu anh có muốn chúng mình lên **duyên**?”; “Nhà em ở Phạm Văn **Đông**/ Ước gì anh trở thành **chồng** của em”. Tuy nhiên, dạng chơi chữ này không tạo ra quá nhiều sự hứng thú và bất ngờ cho người đọc vì phần nào người đọc có thể đoán được từ/ cụm từ mà người viết sử dụng ở vế sau.

2.2.4. Xu hướng 4

Xu hướng 4 bao gồm các dòng trạng thái tỏ tình có sử dụng tên tỉnh thành với hình thức chơi chữ chủ yếu là sử dụng từ cùng trường nghĩa kết hợp với điệp âm, điệp vần của thể thơ lục bát. Ví dụ: “**An Giang** đi núi **vía bà**/ Hay em cũng thử một **nhà** với anh”; “**Ninh Bình** thì có **Tràng An**/ Tim em đã trót trao chàng từ lâu”; “Nghe danh **công tử Bạc Liêu**/ **Có tiền** chưa chắc đã **yêu** được nàng”; “Cung đình **Huế** đẹp mộng **mơ**/ Còn cậu lại giống **nàng thơ** của mình”; “**Thái Bình** đã có **lạc trôi**/ Tim anh đã có ai rồi hay chưa?”. Tương tự như xu hướng 4, dạng chơi chữ này cũng không tạo ra quá nhiều sự bất ngờ cho người đọc vì phần nào người đọc có thể đoán ngay được ý mà người viết muốn bày tỏ. Tuy nhiên, việc tìm những từ ngữ cùng trường nghĩa ở dạng này cũng có nhiều dạng, có thể là tên tỉnh thành và địa danh hoặc đặc điểm liên quan đến tỉnh thành đó như “An Giang” và “vía bà”, “Ninh Bình” và “Tràng An”, “công tử Bạc Liêu” và “có tiền”, hay tên của tỉnh thành với một tác phẩm nổi tiếng liên quan đến tỉnh thành đó như “Huế” và “nàng thơ” (Bài hát nổi tiếng “Nàng thơ xứ Huế”) hay “Thái Bình” và “lạc trôi” (Bài hát nổi tiếng “Lạc trôi” của ca sĩ Sơn Tùng MTP – quê ở Thái Bình).

2.2.5. Xu hướng 5

Xu hướng này thường sử dụng tên riêng của người mà người viết muốn bày tỏ tình cảm vào trong dòng trạng thái để tạo sự bất ngờ. Vì khi nghe, đối tượng sẽ cảm thấy câu nói rất bình thường, nhưng khi người đọc nhìn thấy tên riêng của mình được viết hoa thì mới nhận ra ý đồ của người viết.

Bảng 2. Thống kê các hình thức chơi chữ xuất hiện trong xu hướng 5

| Hình thức chơi chữ | Tần số (/20) | Tỉ lệ (%) | Ví dụ |
|----------------------|--------------|-----------|--|
| Từ cùng âm | 2 | 10 | “Anh không thích Thảo cầm viên /Anh chỉ muốn Thảo cầm tay ” (6) “Phải chiều thì mới thấy hoàng hôn ¹ . Nhưng sáng thức dậy chỉ muốn thấy Hoàng hôn ² ” (7) |
| Từ trái nghĩa | 3 | 15 | “Em không thích nói dối /Vì em thích Trung thực ” (8) Em không muốn thay đổi / Vì em muốn giữ Nguyên ” (9) |
| Từ cùng trường nghĩa | 16 | 80 | “Anh rất ghét dịch bệnh /Bởi sẽ phải cách Ly ” (10) “Gọi anh là con tem /Vì con tem luôn đi với Thu ” (11) |
| Từ lệch nghĩa | 19 | 95 | “Họ nói anh không phải con trai /Nhưng trong lòng anh lúc nào cũng có Ngọc ” (12) “Cậu có biết vì sao tớ hay đi chùa không? Vì tớ nghe nói đi chùa nhiều sẽ có Duyên đó” (13) |
| Chiết tự | 8 | 40 | “Người ta thì yêu nhiều người/ Còn em thì yêu Duy nhất ” (14) “Nếu là tam giác vuông/ Anh muốn ở cạnh Huyền ” (15) |

Dựa vào bảng 2, chúng ta có thể nhận thấy hình thức chơi chữ ở xu hướng này chủ yếu là dùng từ lệch nghĩa với tỉ lệ 95% và từ cùng trường nghĩa với tỉ lệ 80%, hai hình thức này cũng thường kết hợp cùng nhau hoặc cùng một hình thức chơi chữ khác trong các dòng trạng thái, như ở ví dụ (10),

(11), (12) và (13). Hình thức chơi chữ bằng cách chiết tự cũng xuất hiện ở xu hướng này với tỉ lệ 40% theo cách tách tên riêng của đối tượng được tỏ tình trong cụm từ của nó, chẳng hạn từ “Duy” trong “Duy nhất” ở ví dụ (14) hay “Huyền” trong “cạnh Huyền” ở ví dụ (15). Chơi chữ bằng cách dùng từ trái nghĩa và cùng âm cũng được sử dụng ở xu hướng này với tỉ lệ lần lượt là 15% và 10%. Những từ/ cụm từ trái nghĩa được sử dụng kết hợp với hình thức chiết tự như “nói dối” và “Trung thực” ở ví dụ (8), “thay đổi” và “giữ Nguyên” ở ví dụ (9), “nhiều người” và “duy nhất” ở ví dụ (14). Hình thức chơi chữ bằng cách sử dụng từ cùng âm chỉ xuất hiện 2 lần gồm “Thảo cảm viên” và “Thảo cảm tay” trong ví dụ (6) hay “hoàng hôn¹” với nghĩa vào thời gian mặt trời lặn và “Hoàng hôn²” với nghĩa một người tên Hoàng có hành động “hôn” trong ví dụ (7).

2.2.6. Xu hướng 6

Xu hướng này sử dụng thể thơ lục bát để viết nên những dòng trạng thái bày tỏ tình cảm, xu hướng này chủ yếu sử dụng hình thức điệp âm để phù hợp với quy luật gieo vần của thể thơ. Đây cũng là xu hướng phổ biến vì chỉ với những ý đơn giản cũng có thể có được một dòng trạng thái tỏ tình tình cảm, khiến người đọc ban đầu chỉ nghĩ là một câu thơ tả cảnh hay nói về một sự vật hiện tượng nào đó, cho đến khi đọc về sau thì mới biết là một lời tỏ tình. Chẳng hạn, “Trời xanh mây trắng nắng vàng/ Hôm nay anh đã sẵn sàng yêu chưa?”, “Áy ơi trà sữa tôi mời/ Uống xong thì phải nhận lời yêu tui”. Trong số các ngữ liệu khảo sát ở xu hướng này, có 1 ngữ liệu có sử dụng hình thức chiết tự theo dạng đánh vần một chữ, đó là “Nhìn xa chỉ thấy mờ mờ, Nhìn gần mới thấy là mờ ê mê”. Ngoài ra, còn có sự xuất hiện của hình thức chơi chữ bằng cách tách ghép từ ngữ như ví dụ “Hôm qua ăn bát cháo lòng/ Anh ăn hết cháo/ Để lòng thương em”, trong đó từ “cháo lòng” đã được người viết cố tình tách ra.

2.2.7. Xu hướng 7

Ở xu hướng này, các dòng trạng thái tỏ tình thường sử dụng câu cuối hoặc vế cuối cùng là những chữ không có dấu nhằm mục đích tạo ra cách hiểu nước đôi để bày tỏ tình cảm của mình. Do vậy, hình thức chơi chữ chủ yếu trong xu hướng này là sử dụng từ lệch nghĩa, chiếm tỉ lệ 100%. Bên cạnh đó, còn có sự kết hợp với các hình thức sử dụng từ trái nghĩa, từ cùng trường nghĩa. Chúng ta có thể xem các ví dụ sau: “Trên đời này có kẻ mạnh người yếu/ Còn với em anh là nguoi yeu”, từ cuối chúng ta có thể hiểu là người yếu hay người yêu; “Tôi không thích chụp hình, nhưng tôi lại thích anh”, từ cuối cùng có thể là “anh” hoặc “ảnh” hay trong ngữ liệu “Nhà em mất điện nên lúc này em rất cần anh sang”, từ cuối cùng có thể hiểu là “anh sang” hoặc “ánh sáng”.

2.2.8. Xu hướng 8

Xu hướng thứ 8 là dạng các dòng trạng thái có sử dụng hình thức nói lái. Ở xu hướng này, các hình thức chơi chữ cùng kết hợp thường là hiện tượng điệp âm, vần hay nhịp điệu để tạo tính thơ cho dòng trạng thái. Một số ví dụ: “Nãy giờ em nhìn anh một xíu rồi đó. Sau này, thương anh nhiều một xí em nhé”; “Em như loài cá. Anh mà buông lời là em bơi luôn”; “Khen anh một từ thôi không đủ. Vì yêu anh ngàn thu không đổi”; “Nam châm thì từ tính. Còn chúng mình thì tình tứ”; “Chim thiếu ăn chim tìm con sâu/ Anh thiếu em, anh sâu con tìm”; “Thức đêm anh tỉnh bằng trà/ Thích em anh trả bằng tình được không”.

2.2.9. Xu hướng 9

Các dòng trạng thái ở xu hướng này thường sử dụng những thuật ngữ hoặc các yếu tố liên quan đến các môn học, ngành học. 100% các dòng trạng thái này sử dụng hình thức dùng từ cùng trường nghĩa, tuy nhiên, để tạo nên sự thú vị cho dòng trạng thái, người viết thường sử dụng kết hợp các hình thức khác như điệp âm “Hóa học thì có chất vô cơ, còn tớ thì yêu cậu vô cơ”; dùng từ cùng âm “Tan thì bằng đôi chia kẻ/ Em thì tan chảy khi kẻ bên anh”; “Tam giác ABC cân tại A, còn em anh

sẽ cân hết” hoặc hình thức lệch nghĩa “Em có thích ÔM không? Nếu có thì anh nguyện là điện trở đời em” với ÔM vừa là thuật ngữ thuộc môn Vật lý và vừa là động từ thể hiện hành động ôm.

2.2.10. Xu hướng 10

Trong số 20 ngữ liệu được khảo sát có sử dụng các tiền giả định là dữ liệu văn học, văn học dân gian, đa phần các ngữ liệu loại này đều sử dụng thể thơ lục bát và hình thức điệp âm, cùng âm. Bên cạnh đó một số ngữ liệu kết hợp thêm với các hình thức như tách từ đặt vào cấu trúc hoặc ngắt nhịp câu, buông lửng câu. Chúng ta có thể xem một số ví dụ về các ngữ liệu sử dụng thể thơ lục bát: “Gió đưa cành trúc la đà/ Anh xin ba mẹ qua nhà em nha”; “Nhiều điều phủ lấy giá gương/ Nếu anh không bận thì thương em này”; “Ba đồng một mớ đàn ông/ Nếu mà lấy chồng, nhất định lấy anh” hay “Con cóc là cậu ông trời/ Còn cậu là cả cuộc đời của tui”. Ngoài ra, có ngữ liệu sử dụng hình thức tách từ đặt vào cấu trúc dưới dạng cấu trúc của thành ngữ như: “Gần mực thì đen mà gần em thì hạnh phúc”. Và có ngữ liệu sử dụng những ngữ liệu văn học dưới dạng các cấu trúc có nhịp điệu như “Ông Hai/ thì yêu làng, ông Sáu/ thì yêu con. Còn Tui/ thì yêu bạn” (Ông Hai trong tác phẩm “Làng” của Kim Lân và ông Sáu trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng).

2.2.11. Một số dòng trạng thái tỏ tình khác

Ở phần này, tác giả khảo sát 50 dòng trạng thái tỏ tình không thuộc 10 xu hướng ở trên. Dựa vào kết quả ở bảng 3, chúng ta có thể thấy các dòng trạng thái này cũng sử dụng nhiều hình thức chơi chữ khác nhau.

Bảng 3. Thống kê các hình thức chơi chữ xuất hiện trong một số dòng trạng thái khác

| | Hình thức chơi chữ | Tần số (/50) | Tỉ lệ (%) | Ví dụ |
|--------------------|-------------------------------------|-----------------|--------------|---|
| Ngữ âm | Điệp âm | 8 | 16 | “Anh là trai phở <u>cổ</u> nên rất mong em có thể <u>đổ</u> vào anh.” |
| | Dùng từ cùng âm | 23 | 46 | “Để yêu được em, anh phải như một người đa nhân <u>cách</u> . Vì nếu không tính được cách này anh sẽ tính <u>cách</u> khác.” |
| | Chiết tự | 1 | 2 | “Anh rất tốt bụng. Em có thể nhờ anh tất cả các thứ, kể cả <u>nhờ ở nhờ sắc nhờ</u> .” |
| | Chen lớp từ ngữ thuộc ngôn ngữ khác | 6 | 12 | “Anh ơi gió lạnh gần kề, bao nhiêu lớp áo, không bằng <u>love</u> em”” Anh không thể làm <u>nhạc</u> một mình/ Nhờ <u>bố em</u> làm <u>nhạc phụ</u> được không?” |
| Từ vựng- ngữ nghĩa | Tổng | 38 | 76 | |
| | Từ trái nghĩa | 8 | 16 | “ <u>Nóng</u> như thế này chắc chỉ có sự <u>lạnh nhạt</u> của em mới cứu được tôi.”” Anh <u>cảm lạnh</u> là do gió nhưng <u>cảm nắng</u> chắc chắn là do em.” |
| | Từ cùng trường nghĩa | 15 | 32 | “Cậu giống như <u>Google</u> vậy. Bởi cậu là tất cả những gì tớ <u>tìm kiếm</u> .”” Đừng gọi cho em bằng <u>điện thoại</u> / Vì em không thích cuộc tình mình <u>qua loa</u> .” |

| | | | | |
|----------|---------------------------------------|----|-----------|--|
| | Từ lệch nghĩa | 10 | 22 | “Anh yêu em như bò mẹ / Không bao giờ bỏ bê .””Tuổi trẻ nhiều sai trái / Chỉ phải mỗi lòng anh” |
| | Tổng | | 33 | 70 |
| Ngữ pháp | Tách ghép từ ngữ đặt vào cấu trúc câu | 2 | 4 | “Có một cô kia cứ đeo bám anh hoài, em hãy giúp anh đuổi cô ta đi đi. Cô ấy tên Đon .””Nếu không được vạ người mê / Thì ít nhất phải làm một người mê ”. |

Trong số đó, hình thức chơi chữ bằng phương tiện ngữ âm chiếm số lượng nhiều nhất với tỉ lệ 76%, sau đó là hình thức chơi chữ bằng phương tiện từ vựng – ngữ nghĩa với tỉ lệ 70%, hình thức chơi chữ bằng phương tiện ngữ pháp chỉ xuất hiện 2 lần với tỉ lệ 4%.

Đối với hình thức chơi chữ bằng phương tiện ngữ âm, số lượng các ngữ liệu sử dụng hình thức chơi chữ bằng từ cùng âm chiếm tần số cao nhất với tỉ lệ 46%, hình thức chơi chữ sử dụng điệp âm và chen lớp từ ngữ khác chiếm tỉ lệ lần lượt là 16% và 12%, thấp nhất là hình thức chơi chữ bằng cách chiết tự chỉ có tỉ lệ 2%. Trong đó, hình thức chơi chữ dùng từ cùng âm đa phần được người viết vận dụng để mang đến một nghĩa khác biệt, gây bất ngờ cho người đọc. Chẳng hạn: từ “cách” trong dòng trạng thái “Để yêu được em, anh phải như một người đa nhân **cách-¹**. Vì nếu không tính được cách này anh sẽ tính **cách-²** khác”, thì **cách-¹** đi cùng với từ **nhân** thể hiện ý nghĩa là phẩm chất của con người, còn từ **cách-²** được hiểu là phương thức, cách làm chứ không còn hoàn toàn nghĩa như **cách-¹** để tạo nên sự bất ngờ cho người nghe. Hình thức chơi chữ dùng từ điệp âm và chiết tự cũng tương tự như phân tích các xu hướng trên. Hình thức chơi chữ sử dụng chen lớp từ ngữ thuộc ngôn ngữ khác cũng xuất hiện với các ngôn ngữ được chen vào là tiếng Anh, chẳng hạn “Anh ơi gió lạnh gần kề, bao nhiêu lớp áo, không bằng **love** em” dựa trên việc phát âm của từ tiếng anh gần giống với từ trong tiếng Việt như “love” và “lớp”. Hoặc ngôn ngữ được chen vào là từ Hán – Việt như từ “nhạc phụ” trong ví dụ “Anh không thể làm **nhạc** một mình/ Nhờ **bố em** làm **nhạc phụ** được không?”.

Đối với hình thức chơi chữ bằng phương tiện từ vựng – ngữ nghĩa, chơi chữ bằng cách sử dụng từ cùng trường nghĩa chiếm tỉ lệ cao nhất với 32%, tiếp đến là dùng từ lệch nghĩa với tỉ lệ 22% và cuối cùng là dùng từ trái nghĩa với tỉ lệ 16% . Hình thức chơi chữ dùng từ cùng trường nghĩa như trong ví dụ “Câu giống như **Google** vậy. Bởi câu là tất cả những gì có **tìm kiếm**”, “Google” và “tìm kiếm” thuộc cùng một trường nghĩa. Hình thức chơi chữ dùng từ lệch nghĩa thường kết hợp với hình thức dùng từ cùng âm, từ cùng trường nghĩa hay từ trái nghĩa. Cụ thể, trong ngữ liệu “Đừng gọi cho em bằng **điện thoại**/ Vì em không thích cuộc tình mình **qua loa**”, điện thoại và qua loa thuộc cùng một trường nghĩa, tuy nhiên, nghĩa của từ “qua loa” ở đây không phải liên quan đến cái loa của điện thoại mà là một tính từ thể hiện tính chất sơ sài. Hay trong ngữ liệu “Tuổi trẻ nhiều **sai trái**/ Chỉ **phải** mỗi lòng anh”, từ “sai” và “phải” là cặp từ trái nghĩa nhưng trong trường hợp này, nghĩa của từ “phải” không mang nghĩa là đúng mà lại thể hiện động từ “phải lòng” người khác.

Hình thức chơi chữ bằng phương tiện ngữ pháp thể hiện ở 2 ví dụ “Có một **cô** kia cứ đeo bám anh hoài, em hãy giúp anh đuổi cô ta đi đi. Cô ấy tên **Đon**” với từ được tách ra là “cô don”, hay “Nếu không được vạ người **mê**/ Thì ít nhất phải làm một người **mê**” với từ “mê mê”.

3. KẾT LUẬN

Thứ nhất, các hình thức chơi chữ bằng phương tiện ngữ âm, từ vựng – ngữ nghĩa và ngữ pháp đều xuất hiện trong các ngữ liệu được khảo sát. Trong đó, hình thức điệp âm hoặc dùng từ cùng âm

hầu như đều được sử dụng trong tất cả các xu hướng với mục đích tạo nên vần điệu cho dòng trạng thái. Mỗi xu hướng viết dòng trạng thái tỏ tình đều có chung một hình thức chơi chữ chủ đạo như dùng từ cùng trường nghĩa ở xu hướng 1 và 9, dùng từ cùng âm ở xu hướng 2, điệp âm ở các xu hướng 3, 4, 6, 10, dùng từ lệch nghĩa ở xu hướng 5 và 7, và hình thức nói lái ở xu hướng 8.

Thứ hai, các dòng trạng thái chỉ sử dụng hình thức điệp âm như ở xu hướng dùng thể thơ lục bát, hay những câu thơ lục bát xuất hiện ở xu hướng sử dụng các dữ liệu văn học, văn hóa dân gian phần nào còn đơn giản và chưa tạo nhiều ấn tượng mạnh cho người đọc, hoặc khiến người đọc cảm thấy những dòng trạng thái này chỉ là việc thay đổi một số từ vào thơ đã có sẵn.

Thứ ba, hình thức chơi chữ bằng phương tiện ngữ pháp ít xuất hiện nhất, có lẽ vì độ phức tạp của hình thức này và thường để thể hiện nó cũng cần có những dòng trạng thái có nhiều vế, nhiều câu hơn, trong khi đa số các ngữ liệu khảo sát thì giới trẻ thường thích cách viết ngắn gọn hơn. Tuy nhiên, cũng có sự xuất hiện của một số dòng trạng thái sử dụng hình thức tách ghép từ đặt vào cấu trúc câu như “*Có một cô kia cứ đeo bám anh hoài, em hãy giúp anh đuổi cô ta đi đi. Cô ấy tên Don*”. Hình thức ngắt nhịp câu, buông lửng câu cũng được sử dụng kết hợp với hình thức chơi chữ cùng âm ở xu hướng 2 bằng các dấu “...” hoặc xuống dòng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cù Đình Tú, Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt, Hà Nội: NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1983.
- [2] Đinh Trọng Lạc, 99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt, Thanh Hóa: Nxb Giáo dục Thanh Hóa, 2003.
- [3] Lê Trung Hoa, Hồ Lê, Thú chơi chữ, Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Khoa học xã hội, 2005.
- [4] Ngô Thị Khai Nguyên, Nghệ thuật chơi chữ trong văn chương người Việt tập 1, Huế: Nxb Thuận Hóa, 2005.
- [5] Nguyễn Khôi Nguyên, “Nghệ thuật chơi chữ trong slogan quảng cáo,” *Ngôn ngữ và Đời sống*, tập 6, số 224, p. 53, 2014.
- [6] Nguyễn Khôi Nguyên, Nghệ thuật chơi chữ trên báo tuổi trẻ cười, Cần Thơ: Luận văn thạc sĩ, Đại học Cần Thơ, 2011.
- [7] Nhiều tác giả, *Từ điển văn học*, tập 1., Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 1983.
- [8] Hoàng Phê. (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội: NXB Khoa học xã hội – Trung tâm từ điển học, 2003.